

Số: /QĐ-ATTP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm
phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm**

CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010 và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế - Bộ Công Thương - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước;

Xét hồ sơ đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước của Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên; Biên bản đánh giá tại cơ sở và báo cáo hành động khắc phục sau đánh giá của Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tiêu chuẩn và Kiểm nghiệm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Trung tâm Kiểm nghiệm - An toàn thực phẩm khu vực Tây Nguyên thuộc Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên (Địa chỉ: 34 Phạm Hùng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk) thực hiện kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các chỉ tiêu kỹ thuật trong Danh mục chỉ tiêu được chỉ định kèm theo Quyết định này.

Mã số cơ sở kiểm nghiệm: **005/2024/BYT-KNTP**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Trung tâm Kiểm nghiệm - An toàn thực phẩm khu vực Tây Nguyên thuộc Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Đỗ Xuân Tuyên (để b/c);
- CT. Trần Việt Nga (để b/c);
- Sở An toàn thực phẩm Tp. HCM;
- Ban Quản lý ATTP các tỉnh, thành phố;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Chi cục ATVSTP các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Lưu: VT, KN.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Đỗ Hữu Tuấn

DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ATTP ngày... tháng..... năm 2024 của Cục An toàn thực phẩm)

TT	Tên chỉ tiêu	Phạm vi áp dụng	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện của phép thử (nếu có)/ phạm vi đo	
				Giới hạn phát hiện (LOD)	Giới hạn định lượng (LOQ)
I.	Lĩnh vực vi sinh				
1.	Định lượng vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> Phương pháp màng lọc	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên đóng chai	TCVN 6187-1:2019	-	1 CFU/250mL
2.	Định lượng vi khuẩn Coliforms Phương pháp màng lọc		TCVN 6187-1:2019	-	1 CFU/250mL
3.	Định lượng khuẩn đường ruột (<i>Streptococci feacal</i>) Phương pháp lọc màng		TCVN 6189-2:2009	-	1 CFU/250mL
4.	Định lượng vi khuẩn <i>Pseudomonas aeruginosa</i> Phương pháp màng lọc		ISO 16266:2006 (E)	-	1 CFU/250mL
5.	Định lượng bào tử vi khuẩn kỵ khí khử Sunphit (Clostridia) Phương pháp màng lọc		TCVN 6191-2:1996	-	1 CFU/50mL
II	Lĩnh vực hóa lý				
6.	Xác định hàm lượng axit benzoic và muối benzoate	Thực phẩm	BS EN 12856:1999	10 mg/kg (mg/mL)	30 mg/kg (mg/mL)
7.	Xác định hàm lượng axit sorbic và muối sorbat		BS EN 12856:1999	10 mg/kg (mg/mL)	30 mg/kg (mg/mL)
8.	Xác định hàm lượng chì, asen, cadmi, thủy ngân Phương pháp ICP/MS	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên đóng chai	SMEWW 3125B:2023	- Pb: 0,0003 mg/L - As: 0,0003 mg/L Cd: 0,0003 mg/L Hg: 0,0001 mg/L	- Pb: 0,001 mg/L - As: 0,001 mg/L - Cd: 0,001 mg/L - Hg: 0,0004 mg/L
9.	Xác định hàm lượng Nitrit Phương pháp đo quang		SMEWW 4500 - NO ₂ ⁻ B:2023	0,01 mgN/L	0,03 mgN/L
10.	Xác định hàm lượng Nitrat Phương pháp đo quang		SMEWW 4500 - NO ₃ ⁻ B:2023	0,1 mg/L	0,5 mg/L

Ghi chú: Phạm vi áp dụng đối với các sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế